

Bản án số: 35/2020/DS-ST

Ngày 09/9/2020

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Đình Giang; Ông Nguyễn Quốc Sửu.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 09 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2020/TLST- DS ngày 14 tháng 7 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 119/2020/QĐST- DS ngày 28/8/2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Trương Thị H, sinh năm 1968 (có mặt)

Nơi cư trú: Số 03, phố T, thị trấn N, huyện T Y, tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn: Anh Vi Văn S, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn S, xã T, huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Đào Minh N, sinh năm 1968 (vắng mặt)

(anh Ng do Chị Trương Thị H đại diện theo ủy quyền).

Địa chỉ: Số 03, phố T, thị trấn N, huyện TY, Bắc Giang.

- Chị Đỗ Thị A, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn S, xã T, huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2020, bản tự khai ngày 31/7/2020, nguyên đơn là Chị Trương Thị H trình bày:

Năm 2012 chị có bán thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng Anh Vi Văn S, Chị Đỗ Thị A. Trong quá trình mua bán cám vợ chồng anh S, chị A lấy cám và ký nhận nợ trong sổ mua bán của cửa hàng nhà chị. Đến ngày 11/12/2012 (âm lịch) anh S đến nhà chị chốt sổ nợ với số tiền 36.640.000 đồng. Đến ngày 26/12/2015 anh S chưa có tiền trả nên lại đến chốt sổ nợ và có ký giấy nhận nợ tiền của chị với số tiền 36.640.000 đồng. Từ sau khi chốt nợ, chị có đến nhà anh S đòi tiền nhiều lần, nhưng anh S, chị A không trả nên chị đã khởi kiện ra Tòa án. Chị đề nghị không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định để đảm bảo quyền lợi cho chị. Đến nay chị xác định anh S, chị A còn nợ chị số tiền mua cám là 36.640.000 đồng. Chị yêu cầu anh S, chị A có trách nhiệm trả chị số tiền là 36.640.000 đồng, chị không yêu cầu tiền lãi. Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu.

Tại bản biên bản lấy lời khai ngày 30/7/2020 anh S trình bày: Năm 2012 anh có mua cám của chị H, vợ chồng anh mua chịu cám nhiều lần và có chốt nợ vào ngày 11/12/2012 (âm lịch) với số tiền nợ là 36.640.000đồng. Anh xác nhận chữ ký tại phần “người nhận nợ tiền” là chữ do chính tay Anh Vi Văn S ký là đúng. Sau khi chốt nợ anh chưa có tiền trả nên đến ngày 26/12/2015 anh đến chốt lại số tiền nợ với chị H tại giấy nhận nợ tiền với số tiền 36.640.000 đồng. Anh cho rằng vào ngày 02/4/2018 chị H cho người vào đòi tiền nên anh đã trả số tiền 36.640.000 đồng cho người nhận tiền là anh Dương Văn Quỳnh và anh Phạm Văn Long nhưng anh không rõ địa chỉ của họ. Nay chị H khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh trả số tiền mua cám còn nợ, anh không đồng ý vì anh đã trả xong.

Tại bản biên bản lấy lời khai ngày 30/7/2020 Chị Đỗ Thị A trình bày: Chị xác định năm 2012 anh chị có mua cám của chị H, khi đi mua thì chồng chị là anh S mua chịu cám nhiều lần và có chốt nợ vào ngày 11/12/2012 (âm lịch) với số tiền nợ là 36.640.000đồng vì thời gian đó chị đi lao động ở nước ngoài, sau khi chị về thì anh S có nói cho chị biết về khoản nợ này, do chưa có tiền trả nên 26/12/2015 anh S có đến chốt lại số tiền nợ với chị H tại giấy nhận nợ tiền với số tiền 36.640.000 đồng. Chị xác định là ngày 02/4/2018 vợ chồng chị đã trả số tiền 36.640.000 đồng cho chị H xong. Nay chị H khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị trả số tiền mua cám còn nợ, chị không đồng ý vì đã trả xong. Tại phiên tòa anh S, chị A vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 29/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Anh Đào Minh N trình bày: Anh là chồng chị H, vợ chồng anh có bán cám cho anh S vào năm 2012, đến nay anh S còn nợ số tiền 36.640.000đồng anh yêu cầu anh S, chị A phải trả số tiền còn nợ này. Anh ủy quyền cho chị H thay mặt anh tham gia tố tụng trong vụ án.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Buộc vợ chồng anh S, chị A trả chị H, anh Ng số tiền 36. 640.000 đồng. Anh S, chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết: Chị H khởi kiện yêu cầu trả số tiền mua cám đối với Anh Vi Văn S, Chị Đỗ Thị A có nơi cư trú tại Làng Sậy, xã Tân Trung, huyện Tân Yên. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại phiên tòa, anh S, chị A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh S, chị A là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy: Hai bên đương sự đều thừa nhận anh S, chị A có mua cám chăn nuôi của chị H. Đến nay chị H chưa nhận được

số tiền anh S, chị A còn nợ dẫn đến chị H phải khởi kiện ra Tòa. Như vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

[3] Xét yêu cầu của Chị Trương Thị H: Hội đồng xét xử thấy sau khi hai bên thoả thuận mua bán cám chăn nuôi, anh S đã nhận đủ hàng và ký vào sổ theo dõi của chị H về số tiền nợ, giữa các bên không tranh chấp về số lượng, chất lượng, chủng loại, giá cả mà chỉ tranh chấp về nghĩa vụ trả nợ. Anh S, chị A thừa nhận có mua cám chăn nuôi của chị H, anh S có chốt khoản tiền nợ với chị H tại giấy nhận nợ ngày 11/12/2012 (âm lịch) các bên chốt nợ là 36.640.000 đồng nhưng sau đó anh S chưa có tiền trả nên ngày 26/12/2015 (âm lịch) anh S đến chốt lại khoản nợ trên tại phía dưới của cùng một trang giấy nhận nợ trước của giấy nhận nợ tiền với số tiền là 36.640.000 đồng do chị H viết, anh S ký tên “Sùng” và ghi “Vi Văn Sùng” tại phần “người nợ tiền ký” là đúng sự thật. Anh S, chị A cho rằng, chị H cho người vào đòi tiền vợ chồng anh số tiền nợ 36.640.000 đồng vào ngày 02/4/2018 nên vợ chồng anh đã trả hết số tiền còn nợ chị H cho người nhận là anh Dương Văn Quỳnh và anh Phạm Văn Long nhưng anh S, chị A không cung cấp chứng cứ, chứng minh cho Tòa án. Chị H xác định không cho ai đến nhà anh S đòi số tiền này, do đó Hội đồng xét xử xét thấy việc mua bán và ký nhận nợ được thực hiện bởi giao dịch giữa anh S và chị H nên nghĩa vụ trả tiền là do anh S phải thanh toán trả cho chị H. Nay chị H chưa nhận được số tiền mà anh S phải thanh toán nên cần buộc anh S, chị A phải trả chị H số tiền 36.640.000 đồng là có căn cứ.

- Về tiền lãi: Tại đơn khởi kiện Chị Trương Thị H có yêu cầu Anh Vi Văn S, Chị Đỗ Thị A trả số tiền nợ gốc là 36.640.000 đồng và tiền lãi suất 10%/năm kể từ ngày 11/12/2012 đến ngày 25/5/2020 với số tiền lãi suất là 26.620.590 đồng nhưng tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2020 chị H tự nguyện xin rút phần yêu cầu về tiền lãi suất. Chị chỉ yêu cầu anh S, chị A trả số tiền nợ gốc là 36.640.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi nên HĐXX không xem xét về tiền lãi suất.

- Về nghĩa vụ trả nợ: Theo sự thừa nhận của vợ chồng chị H, anh Ng thì số tiền 36.640.000 đồng là tiền của vợ chồng chị H. Tại giấy ủy quyền ngày 29/7/2020 anh Ng đã ủy quyền cho chị H thực hiện quyền đòi tiền nợ của vợ chồng anh. Vợ chồng chị H bán thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng anh S, anh S ký chốt giấy nhận nợ. Chị A xác nhận có được biết về anh S còn nợ tiền cám chăn nuôi của chị H nên chị A có trách nhiệm liên đới với anh S trong việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả số tiền còn nợ mua cám là 36.640.000 đồng cho chị H.

[4] Về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền: Do hai bên đương sự không thỏa thuận được mức lãi suất chậm trả tiền nên HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để ấn định mức lãi suất chậm trả tiền.

[5] Về án phí: Yêu cầu của chị H được chấp nhận nên anh S, chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị H được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 430, Điều 431, Điều 440; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Trương Thị H.
Buộc Anh Vi Văn S, Chị Đỗ Thị A phải có trách nhiệm liên đới trả cho Chị Trương Thị H, Anh Đào Minh N số tiền nợ là 36.640.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Anh Vi Văn S và Chị Đỗ Thị A phải chịu 1.832.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Chị Trương Thị H số tiền 916.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0006429 ngày 19/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giáp Đình Giang

Nguyễn Quốc Sửu

Nguyễn Thị Duyên